

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 12

- Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
- Ngày quan trắc:** 04 – 05/12/2024 **Ngày cung cấp TT:** 06/12/2024
- Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cô Đàm	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống mở.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.
12	19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Cống mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Công Hữu Bị, Công Cốc Thành, Đầu kênh T3, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cầu Chu (sông Châu Giang).

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Công Như Trác, Công Sông Chanh, Công Nhâm Tráng, Công Cổ Đam, Cầu đường 10 với sông Sát, Đập Vựa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Công Kinh Thanh, Công Vĩnh Trị, Đầu kênh C9, Đầu kênh CG 16, Đập La Chợ, Đầu kênh S48

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên,

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời quang, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 75%, gió Đ 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục.	7.34	35.5	5.82	0.1	0.715	0.383	240	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 72%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy nhanh. Cống mở lấy nước vào hệ thống. Nước màu xanh nhạt.	7.0	14.2	7.12	0.1	0.233	0.286	207	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 - 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 - 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 - 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió DN 16 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu lục.	7.6	15.7	6.4	0.1	0.505	0.203	234	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió TB 3 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu lục.	7.54	31.3	5.15	0.8	1.523	3.098	1080	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
5	Cống Nhâm Trảng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 90%, gió DN 14 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm	7.7	16.7	5.1	0.4	1.329	1.958	499	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	không hoạt động. Nước màu vàng lục, có hiện tượng phú dưỡng.								
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 90%, gió ĐN 14 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7.59	26.1	4.74	0.3	1.127	1.620	416	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
7	Công Cổ Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 97%, gió ĐN 14 km/h. Cống đóng. Nước rỉ qua cống từ ngoài sông vào. Nước màu vàng lục.	7.4	21.2	5.2	0.3	0.707	1.451	461	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 - 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 - 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 - 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 83%, gió ĐB 8 km/h. Cổng đóng. Không có dòng chảy. Nước màu vàng lục, nhiều bèo phù kín mặt sông.	7.16	17.2	4.78	0.3	0.629	0.612	424	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 80%, gió ĐN 16 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu lục.	7.52	16.2	6.1	0.2	0.567	0.270	265	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 90%, gió TB 3 km/h. Dòng chảy rất chậm ra ngã 3 sông Chanh. Nước màu nâu đục.	8.12	64.2	4.53	3.0	2.168	5.693	3600	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 78%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm về Vinh Trị. Nước màu vàng lục, nhiều bèo trên sông.	7.2	15.2	5.25	0.3	0.583	0.542	395	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
12	Đập An Bài	Đánh giá nhanh chất	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 75%, mật	7.08	37.8	6.19	0.1	0.466	0.371	237	Các chi tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 - 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 - 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 - 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	(sông Châu Giang)	lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	độ mây 75%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở lấy nước sông Châu Giang vào sông Sắt. Nước màu vàng lục, thượng lưu cống nhiều bèo.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 70%, gió ĐB 3 km/h. Dòng chảy rất chậm từ sông Châu Giang vào, cống mở. Nước màu vàng đục.	7.1	54.3	4.56	0.6	5.905	3.578	750	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 70%, gió ĐB 3 km/h. Không có dòng chảy, mực nước thấp. Nước màu vàng lục.	7.35	64.5	4.71	0.6	2.875	2.903	756	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 79%, gió ĐB 8 km/h. Dòng chảy rất chậm vào nội đồng. Trên mặt kênh có rác. Nước màu xanh lục.	7.33	41.7	4.14	0.4	3.683	4.208	502	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 70%, gió Đ 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước thấp. Nước màu xanh lục. Nhiều váng bọt nổi trên mặt kênh.	7.58	24.3	4.57	0.3	2.098	3.555	473	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 75, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy trung bình từ Hữu Bị về. Nước	7.1	36.4	6.05	0.2	0.637	0.385	240	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 - 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 - 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 - 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			màu vàng lục								
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 90%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy chậm về Công Cổ Đam. Nước màu vàng lục. Nhiều bèo trên kênh.	7.3	39.4	5.46	0.3	0.660	0.608	380	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 80%, gió TB 3 km/h. Công mở lấy nước từ sông Chanh, dòng chảy rất chậm. Nước màu nâu.	7.93	22.4	5.199	1.1	0.987	3.555	1440	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 80%, gió ĐB 10 km/h.	7.11	25.9	5.8	0.3	0.894	1.958	415	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Vụ Bàn.	Dòng chảy rất chậm vào nội đồng. Nước màu xanh lục.								đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn